TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2019/HNGĐ–ST Ngày: 17-9-2019 V/v: Ly hôn, phân chia nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nhưng

Ông Nguyễn Tiến Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Lĩnh – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, phân chia nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H

Sinh ngày: 07/6/1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Trần Xuân A

Sinh ngày: 20/10/1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Vắng mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách và xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo S, phường L, quận M, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch huyện K - Ngân hàng chính sách và xã hội Việt Nam.

Có mặt tại phiên tòa

- Hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Người đại diện: Chị Nguyễn Thị T; chức vụ: Hội trưởng Hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2019, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn với anh Trần Xuân A tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) vào ngày 20 tháng 01 năm 2002, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh A sinh được một người con trai là cháu Trần Quang H (sinh ngày 24/7/2012) tuy nhiên vào tháng 3 năm 2018 do cháu H bị tai nạn đuối nước và mất, vợ chồng chị đau khổ tuyệt vọng, cũng từ đó anh A ngày càng đối xử tệ bạc với chị H. Theo chị H, vì lý do mất đi đứa con duy nhất, chị lại không còn khả năng sinh đẻ, không có việc làm nên mối quan hệ giữa chị và anh A càng trở nên trầm trọng. Là vợ chồng nhưng không thể có tiếng nói chung, anh A suy nghĩ gì cũng không còn muốn mở lòng với chị mà chỉ im lặng, lạnh nhạt, anh A cũng không đi làm việc kiếm tiền. Hiện nay, tuy hai vợ chồng chị còn sinh sống cùng một nhà nhưng luôn trong không khí áp bức, gần như không nói chuyện được với nhau, nhiều lần chị H muốn nói chuyện để cứu vãn hôn nhân của anh chị nhưng anh A không có ý kiến gì đáp lại chị H và thường giữ thái độ trầm mặc. Hiện nay, chị H cảm thấy chị không thể nào tiếp tục chung sống với anh A được, mặc dù đã cố gắng cứu vãn nhưng không thành nên chị mong muốn được ly hôn với anh Trần Xuân A.

Quá trình chung sống mặc dù vợ chồng tạo lập được một số tài sản nhưng trong vụ án này, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân A có 02 khoản nợ chung, gồm:

Khoản nợ thứ nhất: Nợ Chi hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) tiền gốc và 1,2% tiền lãi (khoản vay này chị H và anh A vay vào ngày 24/01/2019, là khoản vay không có bảo đảm, thời hạn trả nợ đến ngày 05/01/2020, đến tại thời điểm Tòa án xét xử thì anh A và chị H chưa trả được đồng nào cho hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh).

Khoản nợ thứ hai: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh phòng giao dịch K số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc với lãi suất là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay (khoản vay này anh A và chị H vay vào ngày 08/3/2019, thời hạn trả nợ đến ngày 08/3/2024, đến tại thời điểm xét xử thì vợ chồng anh A và chị H mới trả được phần lãi suất)

Đối với hai khoản nợ chung này, chị Nguyễn Thị H đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh khi đến hạn. Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam sẽ giao cho anh Trần

Xuân A thanh toán, mặc dù chị H phải chịu trả số tiền nợ nhiều hơn nhưng chị H cũng không yêu cầu anh A phải đưa lại tiền chênh lệch khi phân chia nghĩa vụ trả nợ cho chị.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Nguyễn Thị H đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu gia đình chị H và anh A, bản sao chứng minh thư nhân dân của chị H và anh A, trích lục khai tử của con, giấy xác nhận, bản tự khai của chị H.

Đối với bị đơn Trần Xuân A đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng không đến, không có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và cũng không có văn bản thể hiện yêu cầu, nguyện vọng của anh A.

Tại các văn bản xác nhận nợ, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh đều xác nhận: Vợ chồng anh Trần Xuân A và chị Nguyễn Thị H có nợ Ngân hàng và Hội phụ nữ các khoản tiền như chị Nguyễn Thị H đã trình bày và yêu cầu như sau:

Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Trường hợp chị H được Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn với anh A, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu anh Trần Xuân A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử 17/9/2019, là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc và 44.384đ(bốn mươi bốn nghìn ba trăm tám tư đồng) tiền lãi và yêu cầu anh A phải thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 17/9/2019 trên dư nợ số tiền gốc 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 08/3/2024, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

Chứng minh cho lời trình bày của mình, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Văn bản ủy quyền, Công văn xác nhận nợ; bản sao sổ vay vốn, bản sao giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vố vay, bản sao sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ.

Về khoản vay của Chi hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh: Tại phiên tòa, Chi Hội phụ nữ thôn Đ đồng ý với ý kiến của chị H về việc Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Hội số tiền tính đến ngày xét xử 17/9/2019 là: 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) tiền gốc và 1.936.000đ tiền lãi (một triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tiền lãi. Ngoài ra, chị H còn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trên dư nợ số tiền gốc được phân chia nghĩa vụ, lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 05 tháng 01 năm 2020.

Chứng minh cho lời trình bày của mình, Hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh giao nộp: Bản photo chứng minh nhân dân của chị T, bản photo hợp đồng vay vốn, bản photo biên bản sinh hoạt hái hoa tiết kiệm đầu năm (các bản photo đã được Tòa án đối chiếu với bản gốc do người đại diện Nguyễn Thị T xuất trình tại Tòa án); biên bản họp chi hội, đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải (01 tờ, bản gốc).

Ngoài các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của chị Nguyễn Thị T – đại diện của Hội phụ nữ thôn Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 56, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình:

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn anh Trần Xuân A.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H thanh toán cho Hội phụ nữ thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh số tiền tính đến ngày xét xử 17/9/2019 là: 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) tiền gốc và 1.936.000đ tiền lãi (một triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tiền lãi. Chị Nguyễn Thị H còn phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trên dư nợ số tiền gốc được phân chia nghĩa vụ, lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 05 tháng 01 năm 2020.

- Giao cho anh Trần Xuân A thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh Phòng giao dịch K toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử 17/9/2019, là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi là: 44.384đ (bốn mươi bốn nghìn ba trăm tám tư đồng)và yêu cầu anh A thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 17/9/2019 trên dư nợ số tiền gốc 20.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 08 tháng 3 năm 2024, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, hình thức bảo đảm: không.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và: 1.196.800đ (một triệu một trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Xuân A phải chịu 1.002.200đ (một triệu không trăm linh hai ngàn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Trần Xuân A cư trú tại Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện của nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Trần Xuân A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, khai báo. Do vậy, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A;

[2]. Về tình cảm: Theo trình bày của nguyên đơn thì chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 20/01/2001, cuộc sống chung của vợ chồng kéo dài một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn kể từ khi con chung của hai vợ chồng mất do bị đuối nước, bản thân chị H không có khả năng sinh đẻ nữa nên anh A sinh ra chán nãn và thường xuyên đánh đập chị H, chị H

thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Xuân A. Còn đối với anh Trần Xuân A, anh không có bất kỳ ý kiến gì thể hiện với Tòa án, kể cả khi cán bộ Tòa án và chính quyền địa phương có mặt trực tiếp tại nhà để tống đạt thông báo thụ lý, hay quá trình giải quyết vụ án không có văn bản nào cho biết nguyện vọng của anh, Tòa án báo gọi nhiều lần để mời anh A đến làm việc nhưng anh A không đến. Nhận thấy, theo trình bày của chị H, từ bất hạnh trong cuộc sống, vợ chồng anh chị đã tự dằn vặt bản thân, dằn vặt nhau, bạo hành tinh thần khiến cho cuộc sống gia đình trở nên mệt mỏi, cho đến nay, anh A không có bất kỳ hành vi nào cho thấy anh còn muốn níu kéo hôn nhân, do đó, có thể khẳng định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho chị H ly hôn anh A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Xuân A không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[4]. Về nợ chung:

Ngày 24/01/2019, chị H và anh A vay 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) từ vốn tiết kiệm của Hội phụ nữ thông Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, là khoản vay không có bảo đảm, lãi suất 1,2%/tháng, hạn trả nợ đến ngày 05/01/2020. Cho đến nay, anh A và chị H chưa trả được đồng nào cho Chi Hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 08/3/2019, vợ chồng chị H và anh A vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – chi nhánh Phòng giao dịch huyện K, tỉnh Hà Tĩnh một khoản tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ đến ngày 08/3/2024, lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, hình thức bảo đảm: không.

Qua xác nhận của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các chứng cứ là hợp đồng vay vốn thì người đứng tên vay là Trần Xuân A, người thừa kế khoản vay là chị Nguyễn Thị H, mục đích của các khoản vay trên là phục vụ cho sinh hoạt, kinh tế trong gia đình, do đó có thể khẳng định hai khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và của Chi hội phụ nữ thôn Đ, xã T là khoản vay chung của vợ chồng anh Trần Xuân A–chị Nguyễn Thị H. Cả anh A và chị H đều có nghĩa vụ chung trong việc thanh toán nợ. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng ly hôn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cho vay, cần thiết phải phân chia nghĩa vụ trả nợ cho vợ hoặc chồng, Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi hội phụ nữ thôn Đ, xã T thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc chị H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Chi hội phụ nữ thôn Đ, còn anh A chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã Hội Việt Nam, chị H cũng không yêu cầu anh A phải đưa lại tiền chênh lệch khi phân chia nghĩa vụ trả nợ cho chị, Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp, đúng pháp luật, nên chấp nhận sự thỏa thuận đó.

[5]. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm 1.196.800đ (*một triệu một trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Anh Trần Xuân A phải chịu 1.002.200đ (một triệu không trăm linh hai ngàn hai trăm đồng) án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Khoản 6 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[7].Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Xuân A vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 6 Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

- Điều 56, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về việc ly hôn anh Trần Xuân A. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Xuân A

Về nợ chung:

Anh Trần Xuân A có nghĩa vụ thanh toán có Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử (17/9/2019) là 44.384 đồng, ngoài ra anh Trần Xuân A còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ 17/9/219 trên dư nợ số tiền gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn trả nợ đến ngày 08/3/2024.

Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho Chi hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử (17/9/2019) là 1.936.000 đồng, ngoài ra chị Nguyễn Thị H còn phải trả cho Chi hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tiền lãi tính từ 17/9/2019 trên dư nợ số tiền gốc 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) theo lãi suất 1,2%/tháng, thời hạn trả nợ đến ngày 05/01/2020

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 1.196.800đ (*một triệu một trăm chín mươi sáu nghìn tám*

trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng số tiền án phí chị H phải nộp là 1.496.800đ (*một triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng*) nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 1.300.000đ (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005471 ngày 17/5/2019. Nay chị Nguyễn Thị H phải nộp thêm 196.800đ (*một trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng*) tiền án phí.

Anh Trần Xuân A nộp 1.002.200đ *(một triệu không trăm linh hai nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ.

Về quyền kháng cáo: Chị H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Chi hội phụ nữ Thôn Đ, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Trần Xuân A vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn: Chị H;
- Bị đơn: Anh A;
- Người có ql và nv liên quan;
- VKS huyện Kỳ Anh;
- VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T, H. K, Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Dũng